

Lông đèn vênh

Cấp bền và ký hiệu

Thép carbon

Thép không gỉ (Inox): 304, 316

• DIN 7980 là tiêu chuẩn Đức quy định lông đèn vênh (spring lock washer) dùng để chống tự lỏng cho mối ghép bulong – đai ốc khi có rung động hoặc tải thay đổi, tiết diện dày, lực đàn hồi lớn hơn DIN 127.

• Ứng dụng thực tế: máy móc công nghiệp, thiết bị cơ khí nặng, kết cấu thép, nơi cần lông đèn vênh có khả năng chịu tải cao hơn DIN 127.

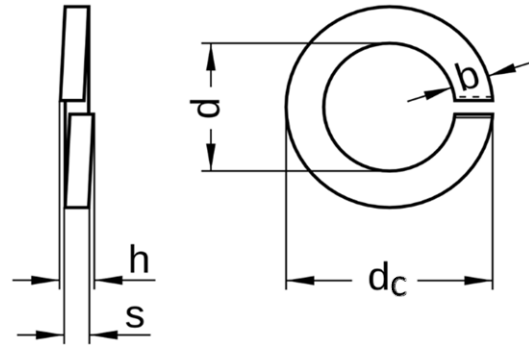
Chú Thích:

d: đường kính trong

dc: đường kính ngoài

s: độ dày

h: chiều cao tự do



Đường kính danh nghĩa		Ø3	Ø3.5	Ø4	Ø5	Ø6	Ø8	Ø10	Ø12	Ø14	Ø16
d	min.	3.1	3.6	4.1	5.1	6.1	8.1	10.2	12.2	14.2	16.2
	max.	3.4	3.9	4.4	5.4	6.5	8.5	10.7	12.7	14.7	17
dc	max.	5.6	6.1	7	8.8	9.9	12.7	16	18	21.1	24.4
s	Danh Nghĩa	1	1	1.2	1.6	1.6	2	2.5	2.5	3	3.5
	max.	1.1	1.1	1.3	1.7	1.7	2.1	2.65	2.65	3.2	3.7
	min.	0.9	0.9	1.1	1.5	1.5	1.9	2.35	2.35	2.8	3.3
b	Danh Nghĩa	1	1	1.2	1.6	1.6	2	2.5	2.5	3	3.5
	max.	1.1	1.1	1.3	1.7	1.7	2.1	2.65	2.65	3.2	3.7
	min.	0.9	0.9	1.1	1.5	1.5	1.9	2.35	2.35	2.8	3.3
h	min.	2	2	2.4	3.2	3.2	4	5	5	6	7
	max.	2.36	2.36	2.83	3.78	3.78	4.72	5.9	5.9	7.1	8.25

Đường kính danh nghĩa		Ø18	Ø20	Ø22	Ø24	Ø27	Ø30	Ø33	Ø36	Ø42	Ø48
d	min.	18.2	20.2	22.5	24.5	27.5	30.5	33.5	36.5	42.5	49
	max.	19	21.2	23.5	25.5	28.5	31.7	34.7	37.7	43.7	50.5
dc	max.	26.4	30.6	32.9	35.9	38.9	44.1	47.1	52.2	60.2	67
s	Danh Nghĩa	3.5	4.5	4.5	5	5	6	6	7	8	8
	max.	3.7	4.7	4.7	5.2	5.2	6.2	6.2	7.25	8.25	8.25
	min.	3.3	4.3	4.3	4.8	4.8	5.8	5.8	6.75	7.75	7.75
b	Danh Nghĩa	3.5	4.5	4.5	5	5	6	6	7	8	8
	max.	3.7	4.7	4.7	5.2	5.2	6.2	6.2	7.25	8.25	8.25
	min.	3.3	4.3	4.3	4.8	4.8	5.8	5.8	6.75	7.75	7.75
h	min.	7	9	9	10	10	12	12	14	16	16
	max.	8.25	10.6	10.6	11.8	11.8	14.2	14.2	16.5	18.9	18.9